

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2019.

V/v tranh chấp “Ly hôn giữa anh Trần Thanh N
với chị Huỳnh Thị Tr”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thơm.

2. Bà Nguyễn Thị Thúy.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Phi Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa:*** Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐXX-ST ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Trần Thanh N, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, thành phố T.

- ***Bị đơn:*** Chị Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1991. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 20 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Thanh N trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Tr quen biết, tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hiệp, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 02 con chung: Cháu Trần Thị Kim Yến, sinh ngày 12/9/2013 và cháu Trần Minh Khang, sinh ngày 04/3/2016. Khoảng tháng 7/2018 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do chị Tr ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc, đến tháng 9/2018 chị Tr tự ý dắt hai con đi làm cùng với cha mẹ ruột chị Tr. Sau đó, đến tháng 11/2018 chị Tr giao lại hai con cho anh nuôi. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Tr.

Về con chung: Anh yêu cầu được nuôi cháu Yên, cháu Khang đến tuổi trưởng thành, anh không yêu cầu chị Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án và trong quá trình xét xử bị đơn chị Huỳnh Thị Tr trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh N về thời gian tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, còn nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì anh N trình bày chưa đúng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh N đi làm xa, chị ở nhà, vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cãi nhau, mâu thuẫn kinh tế gia đình nên cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Chị về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 9/2018, vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai. Trước đây, khi vợ chồng ly thân anh N nuôi cháu Yên, chị nuôi cháu Khang nhưng tháng 11/2018 chị bị bệnh nên không thể chăm sóc con và cháu Khang lại nhớ cháu Yên nên chị tạm thời giao cháu Khang cho anh N chăm sóc, không phải chị không đủ điều kiện, khả năng nuôi con. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh N.

Về nuôi con chung: Chị đồng ý giao cháu Yên cho anh N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Chị yêu cầu được nuôi cháu Khang, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh N và chị Huỳnh Thị Tr; Về nuôi con chung: Giao cháu Khang cho chị Tr nuôi dưỡng, anh N nuôi cháu Yên, không ai phải cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của anh Trần Thanh N thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn”. Theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Tòa án tổ chức hòa giải để các bên đoàn tụ nhưng không thành nên cần đưa vụ án ra xét xử.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa anh Trần Thanh N và chị Huỳnh Thị Tr là hợp pháp. Anh N và chị Tr tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh N và chị Tr cũng có thời gian dài chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh

phúc. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh chị đều thống nhất ly hôn nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N với chị Tr là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Anh N yêu cầu được nuôi cháu Yến và cháu Khang đến tuổi trưởng thành. Chị Tr đồng ý giao cháu Yến cho anh N nuôi dưỡng, chị yêu cầu được nuôi cháu Khang. Hội đồng xét xử xét thấy: Hai cháu đang ở cùng với anh N nhưng anh N đi làm xa nhà không thường xuyên bên con, không trực tiếp chăm sóc mà giao hai cháu cho ông bà nội chăm sóc. Trong khi, cháu Khang còn rất nhỏ (3 tuổi 08 ngày) cần sự chăm sóc của người mẹ nên cần giao cháu Khang cho chị Tr nuôi dưỡng là phù hợp. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí theo mục 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh N với chị Huỳnh Thị Tr

2. Về con chung và nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Trần Thị Kim Yến, sinh ngày 12/9/2013 và cháu Trần Minh Khang, sinh ngày 04/3/2016. Giao cháu Khang cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Công nhận chị Tr đồng ý giao cháu Yến cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh N và chị Tr không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, anh N, chị Tr không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh N hoặc chị Tr có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của anh N hoặc chị Tr.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Thanh N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 001309 ngày 08 tháng 01 năm 2019 thành tiền án phí.

Phiên tòa xét xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự..

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND phường Thới Long, Q. Ô Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Đào Thanh Huỳnh